

**QUYẾT ĐỊNH**

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 440/BC-SKHĐT ngày 06/7/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai, với nội dung chi tiết theo phụ lục 01, 02 đính kèm.

**Điều 2.** Công an tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Rà soát điều chỉnh dự toán xây dựng (phần thiết bị, thuộc gói thầu số 08, 09, 10) để tổ chức điều chỉnh theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thực hiện mua sắm thiết bị bàn ghế làm việc đảm bảo không được dùng gỗ nhóm I như: Gỗ đỏ, Cẩm xe, Cẩm lai... (chủ đầu tư mua sắm bàn ghế dùng loại gỗ nhóm I, ngân sách nhà nước không thanh toán) theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3136/UBND-CNN ngày 03/5/2007 về việc tiết kiệm trong đầu tư bàn, ghế làm việc.

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thiếu hụt yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định, thực hiện đề xuất và lưu ý rút kinh nghiệm trong việc lập hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 440/BC-SKHĐT ngày 06/7/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Quốc Hùng**



**PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
(Kính theo Quyết định số 2348 /QĐ-UBND ngày 08 / 7 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1

| S<br>T<br>T | Tên gói thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Giá gói thầu (đồng)                                                                                                                                                                                                                            | Nguồn<br>vốn         | Hình<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà thầu  | Phương<br>thức lựa<br>chọn<br>nhà<br>thầu | Thời gian<br>bắt đầu tổ<br>chức lựa<br>chọn nhà<br>thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian thực hiện<br>hợp đồng               |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| 1           | Gói thầu số 06 (xây dựng):<br>Xây dựng Nhà trung tâm,<br>nhà ở doanh trại, nhà khách<br>công vụ, nhà làm việc tiếp<br>đán, nhà luyện tập võ thuật<br>và thể dục thể thao, bể bơi,<br>nhà thường trực, công,<br>tường rào, nhà chứa rác, cầu<br>tàu phục vụ tuần tra trên<br>sông, các hạng mục ngoài<br>nhà Dự án đầu tư xây dựng<br>Trung tâm chỉ huy Công an<br>tỉnh Đồng Nai, nội dung<br>công việc cụ thể theo Quyết<br>định số 326/QĐ-UBND<br>ngày 03/02/2020 của UBND<br>tỉnh. | 440.874.092.000<br>(Bốn trăm bốn mươi<br>tỷ, tám trăm bảy mươi<br>bốn triệu, không trăm<br>chín mươi hai nghìn<br>đồng chẵn). Trong đó:<br>chi phí xây dựng:<br>425.965.306.320 đồng<br>và chi phí hạng mục<br>chung:<br>14.908.785.720 đồng). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đầu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ         | Quý III<br>năm 2020                                     | Tròn<br>gói         | Tối đa 1100 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                      |                                       |                                   |                     |             |                                              |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------|----------------------------------------------|
| 2 | Gói thầu số 07 (xây dựng):<br>Xây dựng công trình chống<br>mối, nội dung công việc cụ<br>thể theo Quyết định số<br>326/QĐ-UBND ngày<br>03/02/2020 của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                    | 812.822.000<br>(Tám trăm mười hai<br>triệu, tám trăm hai<br>mươi hai nghìn đồng<br>chẵn). Trong đó, chi<br>phí xây dựng công<br>trình chống mối:<br>785.336.000 đồng, chi<br>phí hạng mục chung<br>27.486.760 đồng.                                                       | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn           |                                   | Quý III<br>năm 2020 | Trộn<br>gói | Tối đa 600 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng |
| 3 | Gói thầu số 08 (xây dựng và<br>thiết bị): Xây dựng, cung<br>cấp và lắp đặt thiết bị Hệ<br>thông điều hòa không khí,<br>quạt điện, thang máy, hệ<br>thống phòng cháy chữa<br>cháy, máy bơm, hệ thống<br>chống sét, hệ thống điện<br>nhẹ, camera và thông tin liên<br>lạc, nội dung công việc cụ<br>thể theo Quyết định số<br>326/QĐ-UBND ngày<br>03/02/2020 của UBND tỉnh<br>và phụ lục 02 đính kèm. | 79.878.301.000<br>(Bảy mươi chín tỷ,<br>tám trăm bảy mươi<br>tám triệu, ba trăm linh<br>một nghìn đồng chẵn).<br>Trong đó: chi phí xây<br>dựng: 34.976.872.000<br>đồng, chi phí thiết bị:<br>43.677.239.000 đồng<br>và chi phí hạng mục<br>chung: 1.224.190.520<br>đồng). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ | Quý IV<br>năm 2020  | Trộn<br>gói | Tối đa 800 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng |
| 4 | Gói thầu số 09 (thiết bị):<br>Cung cấp và lắp đặt thiết bị<br>Máy phát điện dự phòng,<br>máy biến áp và tủ trung thế,<br>bao gồm số lượng và chủng<br>loại thiết bị theo phụ lục 02<br>đính kèm.                                                                                                                                                                                                    | 6.910.527.000<br>(Sáu tỷ, chín trăm<br>mười triệu, năm trăm<br>hai mươi bảy nghìn<br>đồng chẵn).                                                                                                                                                                          | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước | Một giai<br>đoạn một<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2021 | Trộn<br>gói | Tối đa 400 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng |

|   |                                                                                                                                                           |                                                                                                               |                      |                                                   |                                   |                     |             |                                                                                                  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | Gói thầu số 10 (thiết bị):<br>Cung cấp và lắp đặt thiết bị<br>nội thất văn phòng, bao gồm<br>số lượng và chủng loại thiết<br>bị theo phụ lục 02 đính kèm. | 23.595.608.000<br>(Hai mươi ba tỷ, năm<br>trăm chín mươi lăm<br>triệu, sáu trăm linh<br>tám nghìn đồng chẵn). | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước             | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2022 | Trọn<br>gói | Tối đa 400 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng                                                     |
| 6 | Gói thầu số 11 (tư vấn):<br>Giám sát thi công xây dựng<br>và lắp đặt thiết bị gói thầu số<br>06, 07, 08, 09, 10.                                          | 6.666.353.000<br>(Sáu tỷ, sáu trăm sáu<br>mươi sáu triệu, ba<br>trăm năm mươi ba<br>nghìn đồng chẵn).         | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước             | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 1.100 ngày<br>kể từ ngày ký hợp<br>đồng                                                   |
| 7 | Gói thầu số 12: Thí nghiệm<br>nén tĩnh cọc, nội dung công<br>việc cụ thể theo Quyết định<br>số 326/QĐ-UBND ngày<br>03/02/2020 của UBND tỉnh.              | 2.906.238.000<br>(Hai tỷ, chín trăm linh<br>sáu triệu, hai trăm ba<br>mươi tám nghìn đồng<br>chẵn).           | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước qua<br>mạng | Một giai<br>đoạn hai<br>túi hồ sơ | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 90 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng                                                      |
| 8 | Gói thầu số 13 (tư vấn):<br>Thẩm định giá thiết bị gói<br>thầu số 08, 09, 10.                                                                             | 450.000.000<br>(Bốn trăm năm mươi<br>triệu đồng chẵn).                                                        | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn                       |                                   | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 20 ngày (cho<br>việc thẩm định thiết<br>bị của mỗi gói thầu)<br>kể từ ngày ký hợp<br>đồng |
| 9 | Gói thầu số 14: Rà phá bom<br>mìn.                                                                                                                        | 383.392.000<br>(Ba trăm tám mươi ba<br>triệu, ba trăm chín<br>mươi hai nghìn đồng<br>chẵn).                   | Ngân<br>sách<br>tỉnh | Chỉ định<br>thầu rút<br>gọn                       |                                   | Quý III<br>năm 2020 | Trọn<br>gói | Tối đa 45 ngày kể<br>từ ngày ký hợp<br>đồng                                                      |

|    |                                                                                                                          |                                                                                      |                |                                       |                             |                  |          |                                                                                                                                                        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Gói thầu số 15 (phi tư vấn):<br>Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 06, 07, 08. | 664.705.000<br>(Sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm linh năm nghìn đồng chẵn).     | Ngân sách tỉnh | Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng | Một giai đoạn một túi hồ sơ | Quý III năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 1.100 ngày kể từ ngày ký hợp đồng + 02 năm bảo hành công trình                                                                                  |
| 11 | Gói thầu số 16 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 06.                                    | 282.647.000<br>(Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn). | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý III năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 20 ngày lập hồ sơ mời thầu và 45 ngày đánh giá hồ sơ dự thầu (đối với mỗi gói thầu) kể từ ngày ký hợp đồng.                                     |
| 12 | Gói thầu số 17 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 08, 09, 10.                            | 114.107.000<br>(Một trăm mười bốn triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng chẵn).         | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý III năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 20 ngày lập hồ sơ mời thầu và 45 ngày đánh giá hồ sơ dự thầu (đối với mỗi gói thầu, riêng gói thầu số 09 tối đa 25 ngày) kể từ ngày ký hợp đồng |
| 13 | Gói thầu số 18 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 11, 12, 15.                            | 44.944.000<br>(bốn mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn)           | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý III năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 20 ngày lập hồ sơ mời thầu và 45 ngày đánh giá hồ sơ dự thầu (đối với mỗi gói thầu, riêng gói thầu số 15 tối đa 25 ngày) kể từ ngày ký hợp đồng |
| 14 | Gói thầu số 19 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu                                                                        | 100.000.000<br>(Một trăm triệu đồng)                                                 | Ngân sách      | Chỉ định thầu rút gọn                 |                             | Quý III năm 2020 | Trọn gói | Tối đa 10 ngày thẩm định hồ sơ                                                                                                                         |

|                           | và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 06.                                                              | chấn).                                                                                                               | tỉnh           | gọn                   |  |                  |                     | mời thầu và 20 ngày thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể từ ngày ký hợp đồng.                                                                                            |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|--|------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15                        | Gói thầu số 20 (tư vấn):<br>Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 08, 09, 10. | 70.436.000<br>(Bảy mươi triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn).                                                | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý III năm 2020 | Tron gói            | Tối đa 10 ngày thẩm định hồ sơ mời thầu và 20 ngày thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (đối với mỗi gói thầu, riêng gói thầu số 09 tối đa 10 ngày) kể từ ngày ký hợp đồng. |
| 16                        | Gói thầu số 21 (tư vấn):<br>Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 11, 12, 15. | 10.720.000<br>(Mười triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).                                                       | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn |  | Quý III năm 2020 | Tron gói            | Tối đa 10 ngày thẩm định hồ sơ mời thầu và 20 ngày thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (đối với mỗi gói thầu, riêng gói thầu số 15 tối đa 10 ngày) kể từ ngày ký hợp đồng. |
| Tổng giá trị các gói thầu |                                                                                                                     | 563.764.892.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba tỷ, bảy trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn). |                |                       |  |                  | bốn triệu, tám trăm |                                                                                                                                                                            |

**PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung chi phí              | Số lượng, ký hiệu | Thành tiền             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Gói thầu số 06 (xây dựng): Xây dựng Nhà trung tâm, nhà ở doanh trại, nhà khách công vụ, nhà làm việc tiếp dân, nhà luyện tập võ thuật và thể dục thể thao, bể bơi, nhà thường trực, cổng, tường rào, nhà chứa rác, cầu tàu phục vụ tuần tra trên sông, các hạng mục ngoài nhà Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai.</b> |                               |                   |                        |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nội dung chi phí              | Kí hiệu           | Thành tiền             |
| I                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Phần xây lắp</b>           |                   |                        |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chi phí xây dựng              |                   | 425.965.306.320        |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chi phí hạng mục chung        |                   | 14.908.785.720         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>              |                   | <b>440.874.092.040</b> |
| <b>Gói thầu số 07 (xây dựng): Xây dựng công trình chống mối.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                               |                   |                        |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chi phí xây dựng              |                   | 785.336.000            |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chi phí hạng mục chung        |                   | 27.486.760             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>              |                   | <b>812.822.760</b>     |
| <b>Gói thầu số 08 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Hệ thống điều hòa không khí, quạt điện, thang máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy, máy bơm, hệ thống chống sét, hệ thống điện nhẹ, camera và thông tin liên lạc.</b>                                                                                                |                               |                   |                        |
| I                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Chi phí xây dựng</b>       |                   | <b>34.976.872.000</b>  |
| II                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Chi phí hạng mục chung</b> |                   | <b>1.224.190.520</b>   |
| III                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Chi phí thiết bị</b>       |                   | <b>43.677.239.000</b>  |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hệ thống điều hòa không khí   |                   | 20.661.495.000         |

|                                                                                                                     |                                                                                                              |       |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------|
| 2                                                                                                                   | Thang máy                                                                                                    |       | 17.017.770.000        |
| 3                                                                                                                   | Hệ thống điện nhẹ, PCCC, Camera, Thông tin liên lạc                                                          |       | 2.881.978.000         |
| 4                                                                                                                   | Máy bơm cấp nước, cứu hỏa                                                                                    |       | 1.148.442.000         |
| 5                                                                                                                   | Hệ thống chống sét                                                                                           |       | 62.920.000            |
| 6                                                                                                                   | Quạt điện                                                                                                    |       | 1.904.634.000         |
|                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                             |       | <b>79.878.301.520</b> |
| <b>Gói thầu số 09 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị Máy phát điện dự phòng, máy biến áp và tủ trung thế.</b> |                                                                                                              |       |                       |
| 1                                                                                                                   | Máy biến áp + tủ trung thế                                                                                   |       | 2.345.967.000         |
| 2                                                                                                                   | Máy phát điện dự phòng                                                                                       |       | 4.564.560.000         |
|                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                             |       | <b>6.910.527.000</b>  |
| <b>Gói thầu số 10 (thiết bị): Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất văn phòng.</b>                                  |                                                                                                              |       |                       |
| <b>I</b>                                                                                                            | <b>Nội thất Trung tâm chỉ huy (bao gồm nội thất cho các phòng làm việc, hội trường, bếp ăn)</b>              |       |                       |
| 1                                                                                                                   | Phòng làm việc Giám đốc Công an tỉnh (Bàn ghế làm việc, hộp tiếp khách, tủ tài liệu máy tính máy in,...)     | 01 bộ | 114.500.000           |
| 2                                                                                                                   | Phòng làm việc Phó Giám đốc Công an tỉnh (Bàn ghế làm việc, hộp tiếp khách, tủ tài liệu máy tính máy in,...) | 06 bộ | 429.000.000           |
| 3                                                                                                                   | Phòng Trưởng phòng, Phó trưởng phòng (Bàn ghế làm việc, hộp tiếp khách, tủ tài liệu máy tính máy in,...)     | 64 bộ | 3.878.400.000         |
| 4                                                                                                                   | Các văn phòng làm việc (Bàn ghế làm việc, hộp tiếp khách, tủ tài liệu máy tính máy in,...)                   | 16 bộ | 596.800.000           |
| 5                                                                                                                   | Phòng văn thư bảo mật                                                                                        | 01 bộ | 581.300.000           |
| 6                                                                                                                   | Phòng tiếp dân                                                                                               | 01 bộ | 50.300.000            |

|            |                                                                                                                 |          |             |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|
| 7          | Phòng cơ yếu                                                                                                    | 01 bộ    | 37.300.000  |
| 8          | Phòng thông tin                                                                                                 | 01 bộ    | 37.300.000  |
| 9          | Phòng truyền thống (đèn chiếu sáng trưng bày, kệ bục đặt đồ)                                                    | 01 bộ    | 149.200.000 |
| 10         | Phòng thường trực                                                                                               | 01 bộ    | 37.300.000  |
| 11         | Thư viện (bàn máy tính thủ thư, thiết bị tra cứu thông tin qua internet, bàn ghế phòng đọc, kệ giá để tài liệu) | 01 bộ    | 300.000.000 |
| 12         | Phòng hội nghị (bàn ghế, bục kê, tượng Bác, máy chiếu màn chiếu, thiết bị âm thanh...)                          | 01 bộ    | 300.000.000 |
| <b>II</b>  | <b>Phòng họp giao ban kết hợp TTCH</b>                                                                          |          |             |
| 1          | Bàn phòng họp giao ban (14.5x2.4m)                                                                              | 44 md    | 68.640.000  |
| 2          | Ghế chủ tọa (gỗ tự nhiên bọc da)                                                                                | 02 chiếc | 13.500.000  |
| 3          | Ghế đại biểu (gỗ tự nhiên bọc da)                                                                               | 88 chiếc | 118.800.000 |
| 4          | Máy chiếu không dây Epson EB-1955                                                                               | 01 chiếc | 25.300.000  |
| 5          | Màn chiếu 200inch 4.07m x 3.05m                                                                                 | 01 chiếc | 8.000.000   |
| 6          | Tượng Bác Hồ bằng đồng cao 60cm                                                                                 | 01 tượng | 8.500.000   |
| 7          | Bục kê tượng Bác                                                                                                | 01 chiếc | 2.829.000   |
| 8          | Phông màn                                                                                                       | 01 bộ    | 3.000.000   |
| 9          | Thiết bị âm thanh phòng họp                                                                                     | 01 bộ    | 196.900.000 |
|            | 8 loa hộp 40w OBT-583                                                                                           |          |             |
|            | Amplify OBT-6250                                                                                                |          |             |
|            | 1 micro chủ tọa OBT-3000A                                                                                       |          |             |
|            | 40 bộ micro cổ ngỗng đại biểu OBT-3000B                                                                         |          |             |
|            | 2 bộ điều khiển trung tâm OBT-3000                                                                              |          |             |
| <b>III</b> | <b>Phòng khánh tiết</b>                                                                                         |          |             |

|           |                                                             |             |               |
|-----------|-------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| 1         | Bàn chủ tọa                                                 | 01 chiếc    | 4.500.000     |
| 2         | Bàn khách nhỏ                                               | 08 chiếc    | 27.392.800    |
| 3         | Ghế chủ tọa                                                 | 02 chiếc    | 13.500.000    |
| 4         | Ghế đại biểu                                                | 20 chiếc    | 75.000.000    |
| <b>IV</b> | <b>Hội trường</b>                                           |             |               |
| 1         | Ghế hội trường                                              | 654 chiếc   | 784.800.000   |
| 2         | Bàn hội trường (8.5x0.6m)                                   | 6 chiếc     | 79.560.000    |
| 3         | Ghế đại biểu (gỗ tự nhiên bọc da)                           | 26 chiếc    | 46.800.000    |
| 4         | Phông màn                                                   | 01 chiếc    | 6.000.000     |
| 5         | Máy chiếu                                                   | 02 chiếc    | 88.000.000    |
| 6         | Màn chiếu điện tử remote 200 inches (4m06 * 3m05)           | 02 chiếc    | 23.760.000    |
| 7         | Tượng Bác Hồ bằng đồng đỏ cao 70cm                          | 01 tượng    | 14.000.000    |
| 8         | Bục kê tượng bác                                            | 01 chiếc    | 2.829.000     |
| 9         | Bục phát biểu                                               | 01 chiếc    | 2.745.000     |
| 10        | Hệ thống ánh sáng đèn hắt hội trường                        | 01 hệ thống | 600.000.000   |
| 11        | Hệ thống loa đài âm thanh                                   | 01 hệ thống | 2.800.000.000 |
|           | <i>Loa hội trường</i>                                       |             |               |
|           | <i>Cục đẩy công suất</i>                                    |             |               |
|           | <i>Bàn mixer</i>                                            |             |               |
|           | <i>Thiết bị xử lý tín hiệu</i>                              |             |               |
|           | <i>Micro bục phát biểu</i>                                  |             |               |
|           | <i>Micro không dây</i>                                      |             |               |
|           | <i>Trang âm hội trường</i>                                  |             |               |
|           | Vật liệu cách âm                                            | 1063.5 m2   | 574.290.000   |
| 12        | Gỗ tiêu âm soi rãnh MDF Việt Nam lõi thường phủ veneer 15mm | 1063.5 m2   | 850.800.000   |
| 13        | Trần giả                                                    | 885.6 m2    | 708.480.000   |
| 14        | Phụ kiện + công vận chuyển, lắp đặt (40% CP vật liệu chính) |             | 853.428.000   |

|             |                                                                                                      |           |               |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|
| <b>V</b>    | <b>Nhà ăn</b>                                                                                        |           |               |
| 1           | Bộ Bàn ghế nhà ăn 8 ghế ngồi (gỗ tự nhiên kt:2500x1200)                                              | 60 bộ     | 816.000.000   |
| 2           | Bàn ghế phòng ăn vip                                                                                 | 10 bộ     | 180.000.000   |
| 3           | Thiết bị khu nấu ăn (bàn bếp, bàn soạn, giá chia, thiết bị bếp gas, đồ nấu chuyên dụng, tủ lạnh ...) | 01 bộ     | 1.500.000.000 |
| <b>VI</b>   | <b>Nội thất nhà tiếp dân</b>                                                                         |           | 800.000.000   |
| <b>VII</b>  | <b>Nội thất nhà ở doanh trại</b>                                                                     |           |               |
| 1           | Giường                                                                                               | 504 chiếc | 1.546.776.000 |
| 2           | Tủ                                                                                                   | 252 chiếc | 630.000.000   |
| 3           | Bàn ghế phòng sinh hoạt chung                                                                        | 06 bộ     | 120.000.000   |
| 4           | Tivi phòng SHC                                                                                       | 6 chiếc   | 30.000.000    |
| 5           | Chi phí thiết bị chưa tính đến (tạm tính 10%)                                                        |           | 232.677.600   |
| <b>VIII</b> | <b>Nội thất nhà ở công vụ</b>                                                                        |           |               |
| 1           | Phòng loại I: 1 phòng ngủ + tiếp khách (4 phòng)                                                     |           |               |
| 2           | Giường ngủ, tab đầu giường                                                                           | 04 bộ     | 28.000.000    |
| 3           | Tủ quần áo                                                                                           | 04 chiếc  | 18.000.000    |
| 4           | Bàn ghế tiếp khách                                                                                   | 04 bộ     | 24.000.000    |
| 5           | Tivi                                                                                                 | 04 chiếc  | 20.000.000    |
| 6           | Tủ lạnh mini                                                                                         | 04 chiếc  | 14.000.000    |
| 7           | Phòng loại II: 1 giường ngủ (8 phòng)                                                                |           |               |
| 8           | Giường ngủ, tab đầu giường                                                                           | 08 bộ     | 48.000.000    |
| 9           | Tủ quần áo                                                                                           | 08 chiếc  | 36.000.000    |
| 10          | Bàn ghế tiếp khách                                                                                   | 08 bộ     | 48.000.000    |
| 11          | Tivi                                                                                                 |           |               |
| 12          | Tủ lạnh mini                                                                                         | 08 chiếc  | 28.000.000    |

|    |                                                                                                                 |          |                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------|
| 13 | Phòng loại III: phòng 2 giường ngủ (44 phòng)                                                                   |          |                       |
| 14 | Giường ngủ, tab đầu giường                                                                                      | 88 bộ    | 528.000.000           |
| 15 | Tủ quần áo                                                                                                      | 44 chiếc | 198.000.000           |
| 16 | Bàn ghế tiếp khách                                                                                              | 44 bộ    | 264.000.000           |
| 17 | Tivi                                                                                                            | 44 chiếc | 176.000.000           |
| 18 | Tủ lạnh mini                                                                                                    | 44 chiếc | 154.000.000           |
| 19 | Phòng làm việc quản lý kế toán nhà công vụ (bàn ghế làm việc, tủ hồ sơ, máy in, máy phô tô, điện thoại...)      | 01 bộ    | 100.000.000           |
| 20 | Khu bếp nhà công vụ                                                                                             | 01 bộ    | 400.000.000           |
| 21 | Bàn ghế phòng ăn khách công vụ                                                                                  | 01 bộ    | 150.000.000           |
| 22 | Thư viện (bàn máy tính thủ thư, thiết bị tra cứu thông tin qua internet, bàn ghế phòng đọc, kệ giá để tài liệu) | 01 bộ    | 200.000.000           |
| 23 | Phòng tập thể thao                                                                                              | 01 bộ    | 500.000.000           |
| 24 | Chi phí thiết bị chưa tính đến (tạm tính 10%)                                                                   | HT       | 293.400.000           |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                |          | <b>23.595.607.400</b> |